

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST
Ngày 04-3-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Liêu Chí Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà.

Ông Nguyễn Văn Hiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 416/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trang Chí D, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Trịnh Thanh Tr, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Trang Mộc T, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Kh, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

2. Anh Trang Chí Tr1, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Kh, thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Chị Trang Ngọc B, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Ấp C, xã Th, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Anh Trang Chí D trình bày: Anh với chị Trịnh Thanh Tr chung sống với nhau năm 1991, không có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc và sinh được 03 con tên Trang Thanh Thoãn, sinh năm 1990; Trang Thanh Thư, sinh năm 1993 và Trang Thanh Thùy, sinh năm 2003. Tuy nhiên khoảng 3 năm nay chị Trhay

ghen, cự cãi, làm mất uy tín của anh, từ đó vợ chồng sống không hạnh phúc và ly thân hơn một năm nay. Hiện tại anh không còn thương chị Trnên xin được ly hôn. Con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn tài sản chung như căn nhà xây cất trên phần đất này và các tài sản chung trong gia đình như: 03 cái bồn Composite loại 500 lít, 1.500 lít, 2.000 lít; 03 cái giường hộp; 02 tấm đệm hiệu Kim Đang; 01 cái ly quăng; 01 cái tủ lạnh; 01 cái tủ áo và các tài sản sinh hoạt trong gia đình thì vợ chồng tự thỏa thuận. Nợ chung không có.

- Chị Trịnh Thanh Tr trình bày: Chị với anh Trang Chí D được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào ngày 19/4/1991, có đăng ký kết hôn vài tháng trước đó tại xã Tân Tiến, nhưng không có lấy Giấy chứng nhận kết hôn về nhà cất giữ, sau đó liên hệ trích lục thì xã trả lời chị và anh D không có đăng ký kết hôn. Vài năm nay anh D có quan hệ tình cảm yêu thương với người phụ nữ khác từ đó vợ chồng liên tục bất hòa, dẫn đến ly thân khoảng vài năm nay. Chị muốn hàn gắn để gia đình sum họp, nhưng nếu anh D cương quyết thì chị đồng ý ly hôn. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 24.580m² đất nuôi trồng thủy sản do cha mẹ chồng cho vợ chồng mấy chục năm nay, hiện do anh D quản lý. Chị yêu cầu chia được hưởng 7 phần, anh D 03 phần. Ngoài ra các tài sản chung như anh D khai thì chị và anh D tự thỏa thuận. Nợ chung không có.

Anh Trang Mộc T, Trang Chí Tr1, chị Trang Ngọc B xác định diện tích 24.580m² là di sản thừa kế do cha mẹ của anh chị chết để lại nên không đồng ý phân chia theo yêu cầu của chị Trúc; xin từ chối tham gia tố tụng, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Trang Mộc T, anh Trang Chí Tr1, chị Trang Ngọc B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Anh Trang Chí D và chị Trịnh Thanh Tr chung sống từ năm 1991 mặc dù sau đó có đủ điều kiện kết hôn nhưng cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do vậy Tòa án không xem xét cho hoặc không cho anh D và chị Tr ly hôn mà tuyên bố không công nhận anh, chị là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Các con anh chị đã trưởng thành, phát triển bình thường về tinh thần và thể chất nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh chị có các tài sản chung như anh chị trình bày nhưng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với việc chị Trúc yêu cầu phân chia diện tích đất 24.580m², quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị xin rút lại yêu cầu phân chia nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của chị và trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị theo quy định

của pháp luật là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do yêu cầu được chấp nhận nên anh D phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Trang Chí D và chị Trịnh Thanh Tr là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Anh Trang Chí D phải chịu 300.000 đồng. Anh D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0013613 ngày 08/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, anh D đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho chị Trịnh Thanh Tr 20.750.000 đồng (hai mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0000732 ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi

Tr1hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh D, chị Tr có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T, anh Trương, chị Bcó quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Liêu Chí Khanh